

Số: 619 /QĐ-UBND

Hóc Môn, ngày 14 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn thu từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn Khóa X, tại kỳ họp thứ ba về việc phê chuẩn dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Tài chính thành phố;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- CT; các PCT. UBND huyện;
- Văn phòng huyện ủy;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Hồng Ngọc

CÂN ĐỔI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN
I	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.097.742.000
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	1.071.000.000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu (số cân đối)	-
3	Thu viện trợ không hoàn lại	-
4	Số ghi thu	26.742.000
II	Thu ngân sách huyện	1.077.787.048
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	131.658.048
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	58.200.048
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	73.458.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	919.387.000
	- Bổ sung cân đối	919.387.000
	- Bổ sung có mục tiêu	-
3	Nguồn cải cách tiền lương dùng cân đối chi thường xuyên	-
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	-
5	Số ghi thu	26.742.000
III	Chi ngân sách huyện	1.077.787.048
1	Chi đầu tư phát triển	-
2	Chi thường xuyên	1.020.737.048
3	Dự phòng	30.308.000
4	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-
5	Số ghi chi	26.742.000

ỦY BAN NHÂN DÂN

Mẫu số 22/CKTC-NSH

HUYỆN HÓC MÔN



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	1.052.321.048
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	106.192.048
	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%	25.698.048
	- Các khoản thu ngân sách phân chia phần ngân sách cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	80.494.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thành phố	919.387.000
	- Bổ sung cân đối	919.387.000
	- Bổ sung có mục tiêu	-
3	Nguồn cải cách tiền lương dùng cân đối chi thường xuyên	-
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	-
5	Số ghi thu	26.742.000
II	Chi ngân sách cấp huyện	1.052.321.048
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	881.577.975
2	Bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn	144.001.073
	- Bổ sung cân đối	117.739.106
	- Bổ sung có mục tiêu	26.261.967
3	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-
4	Số ghi chi	26.742.000
B	NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN	
I	Nguồn thu ngân sách xã, thị trấn	169.467.073
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	25.466.000
	- Các khoản thu ngân sách xã, thị trấn hưởng 100%	9.050.000
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách xã, thị trấn hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	16.416.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	144.001.073
	- Bổ sung cân đối	117.739.106
	- Bổ sung có mục tiêu	26.261.967
3	Nguồn cải cách tiền lương dùng cân đối chi thường xuyên	-
II	Chi ngân sách xã, thị trấn	169.467.073



**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THUỘC THÀNH PHỐ NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.097.742.000
A	<u>Tổng các khoản thu cân đối NSNN</u>	1.071.000.000
I	Thu nội địa	1.071.000.000
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	413.000.000
	- Thuế giá trị gia tăng	313.500.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	94.600.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	4.900.000
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.200.000
4	Thuế bảo vệ môi trường	2.300.000
5	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	190.000.000
6	Lệ phí trước bạ	143.000.000
7	Thu phí, lệ phí	46.000.000
8	Các khoản thu về nhà, đất	253.500.000
a	Thuế nhà đất	-
b	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-
c	Thu tiền thuê đất	51.300.000
d	Thu tiền sử dụng đất	202.200.000
e	Thu bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-
9	Thu khác ngân sách	21.000.000
10	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã	-
II	Thu viện trợ không hoàn lại	-
B	<u>Tổng thu ngân sách huyện</u>	1.077.787.048
I	Các khoản thu cân đối ngân sách huyện	1.051.045.048
1	Các khoản thu 100%	50.292.000
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	73.458.000
3	Thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh	919.387.000
4	Nguồn cải cách tiền lương dùng cân đối chi thường xuyên	-
5	Thu kết dư	7.908.048
II	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	26.742.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN

Mẫu số 24/CKTC-NSH

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THUỘC THÀNH PHỐ NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.077.787.048
A	<u>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</u>	1.051.045.048
I	Chi đầu tư phát triển	-
	Trong đó:	-
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
2	Chi khoa học, công nghệ	-
II	Chi thường xuyên	1.020.737.048
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	532.456.000
2	Chi khoa học, công nghệ	-
III	Dự phòng	30.308.000
IV	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-
B	<u>Các khoản chi được quản lý qua ngân sách nhà nước</u>	26.742.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THUỘC THÀNH PHỐ NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	Tổng chi ngân sách cấp huyện	1.025.579.048
I	Chi đầu tư phát triển	-
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	851.269.975
1	Chi quốc phòng	3.000.000
2	Chi an ninh	3.000.000
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	532.456.000
4	Chi y tế	64.440.000
5	Chi khoa học công nghệ	-
6	Chi văn hóa thông tin	6.851.000
7	Chi phát thanh, truyền hình	2.049.000
8	Chi thể dục thể thao	2.418.000
9	Chi đảm bảo xã hội	63.603.600
10	Chi sự nghiệp kinh tế	112.394.400
11	Chi quản lý hành chính	51.620.291
12	Chi khác	9.437.684
III	Dự phòng	30.308.000
IV	Chi bổ sung ngân sách cấp xã	144.001.073
V	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP HUYỆN NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Chi thường xuyên																			Đơn vị tính: 1.000 đồng			
STT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng số	Gồm												Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện một số nhiệm vụ mục tiêu khác				
			Chi quốc phòng	Chi an ninh	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi y tế	Chi khoa học công nghệ	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi đảm bảo xã hội	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi quản lý hành chính	Chi khác								
	Tổng số	847.190.975	3.000.000	3.000.000	530.781.000	62.036.000	-	6.851.000	2.049.000	2.418.000	63.603.600	112.394.400	51.620.291	9.437.684	4.079.000	-	-	-				
A	Dự toán đã giao	698.383.174	3.000.000	2.800.000	495.081.000	62.036.000	-	6.851.000	2.049.000	2.418.000	63.603.600	112.394.400	51.620.291	9.437.684	4.079.000	-	-	-				
I	Các cơ quan, đơn vị của huyện																					
1	Văn phòng UBND Huyện	8.427.264																				
2	Phòng Tư pháp	1.232.000																				
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.256.000										130.000	8.297.264									
4	Phòng Quản lý đô thị	2.280.000											1.232.000									
5	Đội quản lý trật tự đô thị	4.070.452											2.256.000									
6	Phòng Kinh tế	4.031.000											2.280.000									
7	Phòng Giáo dục - Đào tạo	4.714.000											4.070.452									
8	Phòng Y tế	1.376.480			2.337.000							2.335.000	1.696.000									
9	Phòng Lao động TB&XH	63.186.550											2.377.000									
10	Phòng Văn hóa thông tin	1.492.000			350.000								1.376.480		2.404.000							
11	Phòng Tài nguyên - Môi trường	11.732.743									60.612.550		2.224.000		1.222.000							
12	Phòng Nội vụ	5.542.600											1.492.000									
13	Thanh tra huyện	1.377.600										9.226.743	2.506.000									
14	Ủy ban mặt trận tổ quốc	2.819.600											5.542.600									
15	BCH Đoàn thanh niên	2.206.000											1.377.600									
16	Hội liên hiệp phụ nữ	1.461.000											2.819.600									
17	Hội nông dân	1.320.000											2.206.000									
18	Hội cựu chiến binh	860.000											1.461.000									
19	Trung tâm Y tế dự phòng	26.547.000											1.320.000									
20	Trung tâm Văn hóa	3.127.000				25.952.000							860.000									
21	Ban QL Khu TNLS Ngã Ba Giồng	3.559.500						3.127.000				595.000										
22	Đài Truyền thanh	2.049.000						2.294.000														
23	Nhà Thiếu nhi	1.430.000							2.049.000			1.265.500										
24	Trung tâm Thể dục thể thao	2.418.000						1.430.000														
25	Trung tâm BD chính trị	2.352.000								2.418.000												
26	Trường MN Tân Hiệp	5.193.000			2.352.000																	
27	Trường MN 2/9	5.604.000			5.193.000																	
28	Trường MN 19/8	7.014.000			5.604.000																	
29	Trường MG Bé Ngoan 1	4.489.000			7.014.000																	
30	Trường MN Bé Ngoan 3	8.832.000			4.489.000																	
31	Trường MN Bông Sen 1	4.488.000			8.832.000																	
32	Trường MG Sơn Ca 3	3.725.000			4.488.000																	
33	Trường MN Nhị Xuân	6.327.000			3.725.000																	
					6.327.000																	

[illegible]

STT	Các cơ quan, đơn vị	Tổng số	Chi thường xuyên												Chi chương trình MTQG	Chương trình 135	Dự án 5 triệu ha rừng	Chi thực hiện một số nhiệm vụ, mục tiêu khác
			Gồm															
			Chi quốc phòng	Chi an ninh	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi y tế	Chi khoa học công nghệ	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình	Chi thể dục thể thao	Chi đảm bảo xã hội	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi quản lý hành chính	Chi khác				
77	Trường THCS Đỗ Văn Dậy	8.429.000			8.429.000													
78	Trường THCS Phan Công Hớn	13.625.000			13.625.000													
79	Trường THCS Tân Xuân	11.235.000			11.235.000													
80	Trường THCS Tô Kỳ	10.104.000			10.104.000													
81	Trường THCS Xuân Thới Thượng	13.308.000			13.308.000													
82	Trường BDGD	1.913.000			1.913.000													
83	TT.KTTH H.Nghiệp	1.729.000			1.729.000													
84	BCH quân sự	3.000.000	3.000.000															
85	Công an huyện	2.300.000		2.300.000														
86	Đội Cảnh sát PCCC Quận 12	500.000		500.000														
87	Chi cục Thi hành án	540.000																
88	Tòa án	1.134.705																
89	Viện kiểm sát	486.000												540.000				
90	Chi cục Thống kê	85.000												1.134.705				
91	Bảo hiểm xã hội	36.084.000												486.000				
92	Đội Quản lý thị trường	980.680				36.084.000								85.000				
II	Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp													980.680				
1	Hội chữ thập đỏ	612.000																
2	Hội Đông y	46.464																
3	Hội Luật gia	109.882											612.000					
4	Hội Nạn nhân chất độc da cam dioxin	103.003											46.464					
5	Hội Cựu thanh niên xung phong	122.635											109.882					
6	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi	145.099											103.003					
7	Hội Khuyến học	223.917											122.635					
B	Dự toán còn lại giao theo nghiệp vụ phát sinh	148.807.801	-	200.000	35.700.000	-	-	-	-	-	2.396.050	99.437.157	4.863.295	6.211.299	453.000	-	-	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CHO CÁC DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC DO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 6/9 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Chia ra	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	4.079.000	-	4.079.000
1	Chương trình xóa đói, giảm nghèo và việc làm nông thôn	-		
2	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	-		
3	Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình	2.404.000		2.404.000
4	Chương trình thanh toán một số bệnh xã hội, dịch bệnh	-		
5	Chương trình văn hóa	-		
6	Chương trình giáo dục và đào tạo	1.675.000		1.675.000
7	Chương trình phòng, chống tội phạm	-		
II	Chương trình 135	-		
III	Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	-		
IV	Một số mục tiêu, nhiệm vụ khác	-		

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ,
CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH
NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

STT	Chi tiết theo các sắc thuế (theo phân cấp cấp thành phố)	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu cấp thành phố được hưởng	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu cấp huyện được hưởng	Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu xã được hưởng
1	Thuế giá trị gia tăng		18%	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		18%	
3	Thuế môn bài		36,3%	63,7%
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		30%	70%
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
6	Thuế bảo vệ môi trường			
7	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao			
8	Lệ phí trước bạ		30%	70%
9	Thu phí, lệ phí			
10	Thuế nhà đất			100%
11	Thuế chuyển quyền sử dụng đất			
12	Thu tiền thuê đất			
13	Thu tiền sử dụng đất			
14	Thu khác ngân sách			

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, THỊ TRẤN
ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: %

STT	Xã, thị trấn	Chi tiết theo các khoản thu (theo phân cấp của thành phố)		
		Lệ phí trước bạ nhà đất	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế sử dụng đất nông nghiệp
1	UBND thị trấn Hóc Môn	70%	100%	70%
2	UBND xã Tân Xuân	70%	100%	70%
3	UBND xã Xuân Thới Đông	70%	100%	70%
4	UBND xã Trung Chánh	70%	100%	70%
5	UBND xã Tân Hiệp	70%	100%	70%
6	UBND xã Tân Thới Nhì	70%	100%	70%
7	UBND xã Bà Điểm	70%	100%	70%
8	UBND xã Thới Tam Thôn	70%	100%	70%
9	UBND xã Đông Thạnh	70%	100%	70%
10	UBND xã Nhị Bình	70%	100%	70%
11	UBND xã Xuân Thới Sơn	70%	100%	70%
12	UBND xã Xuân Thới Thượng	70%	100%	70%



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 619 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Tên các xã, thị trấn	Tổng thu NSNN trên địa bàn xã, thị trấn	Tổng chi cân đối ngân sách xã	Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho cấp xã		
				Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
1	UBND thị trấn Hóc Môn	1.375.000	10.179.677	8.804.677	8.380.699	423.978
2	UBND xã Tân Xuân	1.494.000	10.655.950	9.161.950	8.404.856	757.094
3	UBND xã Tân Hiệp	1.755.000	11.867.110	10.112.110	9.405.110	707.000
4	UBND xã Tân Thới Nhì	1.185.000	12.354.341	11.169.341	10.116.832	1.052.509
5	UBND xã Bà Điểm	3.992.000	17.849.481	13.857.481	12.241.513	1.615.968
6	UBND xã Trung Chánh	1.423.000	11.658.447	10.235.447	9.217.644	1.017.803
7	UBND xã Thới Tam Thôn	3.408.000	18.040.900	14.632.900	12.707.920	1.924.980
8	UBND xã Đông Thạnh	2.825.000	15.082.908	12.257.908	11.080.182	1.177.726
9	UBND xã Nhị Bình	860.000	9.859.772	8.999.772	8.445.146	554.626
10	UBND xã Xuân Thới Đông	1.765.000	12.022.034	10.257.034	9.347.671	909.363
11	UBND xã Xuân Thới Sơn	2.251.000	11.823.199	9.572.199	8.700.541	871.658
12	UBND xã Xuân Thới Thượng	3.133.000	14.142.312	11.009.312	9.690.992	1.318.320